

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DSST-ST

Ngày 23/8/2019

Về việc: “*Tranh chấp quyền về lối đi chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn L.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: Lê Thị S.

2. Bà: Nguyễn Thị T.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy T- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án dân sự thụ lý số 100/2017/TLDS-ST ngày 17/11/2017 về việc “*Tranh chấp quyền về lối đi chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-DS ngày 29/5/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐDS-ST ngày 28/6/2019; quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐDS-ST ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Tr ần Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Trần Hoài Ph, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

* **Bị đơn:** Ông Trần Đình Th, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Kim Tr, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 và bà Tr ần Thị B, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn 02, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà T có mặt; ông Th, bà Tr inh, ông H, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thửa đất số 10 tờ bản đồ số 18 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc là do Bà T nhận chuyển nhượng của vợ chồng Ông Nguyễn Văn H, bà Tr ần Thị B năm 1996. Khi chuyển nhượng đất chỉ áng chừng diện tích là 4.000m², không đo đạc cụ

thê. Vì đất không có đường đi nên ông H, bà B đã chừa lại cho Bà T con đường đi rộng 02m, dài từ đầu thửa đất còn lại của bà Hoàng, ông Bình tính từ đường ranh giáp thửa đất số 14 tờ bản đồ số 18 (mép hồ nước có cổng rào lưới B40 do vợ chồng ông Th, bà Tr rào) chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ đến giáp thửa đất của Bà T như trích đo địa chính thửa đất theo hiện trạng sử dụng của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tháng 5/2018.

Sau khi chuyển nhượng đất cho Bà T thì vợ chồng ông H, bà B còn lại 11.118m² và hơn 2.000 m² đất sinh lầy. Trong đó phần đất 11.118m² đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 25/12/1998 đứng tên Ông Nguyễn Văn H; phần đất sinh chưa được đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSD đất. Phần diện tích con đường vợ chồng ông H, bà B để cho Bà T đi thuộc phần diện tích đất sinh lầy, có trồng 01 hàng chè hạt. Năm 2007, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng phần đất diện tích 11.118m² cho vợ chồng ông Th, bà Tr và để lại phần diện tích đất sinh lầy cho vợ chồng ông H, bà B sử dụng luôn với điều kiện vợ chồng ông Th, bà Tr phải chừa phần con đường làm lối đi chung.

Bà T và vợ chồng ông Th, bà Tr sử dụng lối đi chung này từ năm 2007; khoảng năm 2008-2009, vợ chồng ông Th, bà Tr chặt bỏ hàng chè, trồng cà phê trên lối đi chung nhưng lại cho rằng Bà T tự ý chặt phá cây chè, cà phê trên lối đi của vợ chồng ông nên không cho Bà T sử dụng lối đi này nữa. Sau khi được UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng hòa giải thì các bên tiếp tục sử dụng con đường đi này mãi đến năm 2017 thì vợ chồng ông Th, bà Tr dùng lưới B40 rào phần đầu lối đi con đường, không cho Bà T sử dụng con đường dẫn đến Bà T không có lối đi để vào canh tác vườn cà phê của mình nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà Tr tháo dỡ cổng rào lưới B40, chặt bỏ 20 cây cà phê robusta trên lối đi chung; trả lại toàn bộ phần diện tích 180m² con đường rộng 02m, dài 90m từ cổng rào lưới B40 chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ đến giáp thửa đất của Bà T (thửa số 10) như trích đo địa chính thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tháng 5/2018.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp Bà T cung cấp bản photocopy giấy sang nhượng rẫy cà phê tháng 12/2007; bản photocopy giấy chứng nhận QSD đất của thửa số 10 tờ bản đồ số 18.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Th , bà Tr trình bày:

Tháng 12/2007 vợ chồng ông Th, bà Tr có sang nhượng lại của vợ chồng ông H, bà B diện tích 11.118m². Khi đó có thửa đất của Bà T phía trong, để vào vườn của mình Bà T phải đi qua đất của vợ chồng ông Th, bà Tr đi theo con đường mép bờ hồ trước cửa trại nhà ông (nay là cổng rào lưới B40) chạy dọc theo mương nước lên đến đất bà Tiến. Khi nhận chuyển nhượng với chồng ông Th, bà Tr và vợ chồng ông H, bà B có thỏa thuận việc để con đường đi này cho Bà T sử dụng. Năm 2010, Bà T tự ý cắt tỉa cành cà phê hai bên con đường mà không hỏi ý kiến của vợ chồng ông Th, bà Tr nên vợ chồng ông Th, bà Tr làm cổng rào lưới B40 không cho Bà T đi con đường này nữa. Vợ chồng ông Th, bà Tr cho rằng năm 2007 vợ chồng sang nhượng thửa đất số 10, tờ bản đồ 18, diện tích 11.118m², trong phần diện tích 11.118m² này bao gồm cả phần diện tích đất sinh và con đường đang tranh chấp nên không đồng ý với yêu

cầu khởi kiện của bà Tiến, Bà T muốn sử dụng con đường đi này phải bồi thường cho vợ chồng ông Th, bà Tr 18 triệu đồng.

Để chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ và hợp pháp vợ chồng ông Th, bà Tr đã cung cấp bản photocopy giấy sang nhượng rẫy cà phê tháng 12/2007; bản photocopy giấy chứng nhận QSD đất của thửa số 13 tờ bản đồ số N03-04 (nay là tờ bản đồ số 18).

Tại biên bản lấy lời khai của bà Tr ần Thị B ngày 21/3/2019, bản tự khai của Ông Nguyễn Văn H ngày 13/5/2019 thể hiện:

Năm 1995, vợ chồng ông H, bà B khai phá diện tích đất gồm thửa số 10, 13 tờ bản đồ số 18 và khoảng 2.000m² đất sinh lầy nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Năm 1996, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng cho Bà T diện tích 4.000m² và có chừa cho Bà T con đường rộng 02m, dài từ phần đất còn lại chưa sang nhượng của vợ chồng ông H, bà B dọc theo mương nước đến đất đầu thửa đất bà Tiến. Năm 2007, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng lại thửa đất số 13, diện tích 11.118m² tờ bản đồ N03-04 nay là thửa 13, tờ bản đồ 18 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông Th, bà Tr inh; phần đất sinh lầy 2.000m² vợ chồng ông H, bà B không chuyển nhượng mà chỉ để cho vợ chồng ông Th, bà Tr sử dụng với điều kiện phải chừa con đường mà Bà T đang sử dụng làm lối đi chung cho Bà T và vợ chồng ông Th, bà Tr inh. Vì vậy mà tại giấy sang nhượng đất tháng 12/2007 vợ chồng ông H, bà B đã ghi Lưu ý “*Và có con đường đi cho Bà Tr ần Thị T theo mép bờ hồ trước cửa trại đi thẳng theo bờ mương đi lên giáp rẫy bà Tiến*”. Vợ chồng ông H, bà B khẳng định con đường đi chung thuộc 2000m² đất sinh lầy, chưa được đo đạc, chưa được cấp GCNQSD đất, không thuộc phần diện tích 11.118m² đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Th, bà Tr inh. Do đó, vợ chồng ông H, bà B đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông Th, bà Tr chặt bỏ cà phê, tháo dỡ cổng rào B40, trả lại lối đi chung này.

- Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện con đường đi từ cổng rào lưới B40 chạy dài đến thửa đất của Bà T rộng khoảng 0.8m (phần còn lại vợ chồng ông Th, bà Tr đã trồng cà phê), một bên đường là vườn cà phê của vợ chồng ông Th, bà Tr trồng; một bên đường là mương nước nhỏ, trên diện tích đất của con đường có 20 cây cà phê do vợ chồng ông Th, bà Tr trồng.

- Xác minh tại UBND xã Lộc Nam, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm thể hiện toàn bộ diện tích đất sinh lầy khoảng 2000m² chưa được đo đạc, thuộc phần diện tích hờ giữa hai tờ bản đồ số 18 và 41 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, trong đó có cả phần con đường đang tranh chấp thuộc quy hoạch đất nông nghiệp, đủ điều kiện cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân nếu không có tranh chấp.

- Về chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản: Đã chi phí hết 5.785.000đ (Năm triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông Th, bà Tr tháo dỡ cổng rào lưới B40, chặt bỏ 20 cây cà phê robusta trên lối đi chung; trả lại con đường thuộc phần diện tích đất hờ giữa 02 tờ bản đồ số 18 và 41 có diện tích 180m², rộng 02m, dài 90m nối liền con đường dân sinh từ cổng rào lưới B40

chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ (có một bên giáp đất trồng cà phê của vợ chồng ông Th, bà Tr inh; một bên giáp mương nước nhỏ) đến giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ 18 của Bà T như trích đo địa chính thửa đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tháng 5/2018; không đồng ý bồi thường giá trị 20 cây cà phê cho bị đơn.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị HĐXX xử áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Th, bà Tr tháo dỡ công rào lưới B40, chặt bỏ 20 cây cà phê robusta trên lối đi chung; trả lại con đường thuộc phần diện tích đất hờ giữa 02 tờ bản đồ số 18 và 41 có diện tích 180m², rộng 02m, dài 90m nối liền con đường dân sinh từ công rào lưới B40 chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ đến giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ 18 của Bà T như trích đo địa chính thửa đất tháng 5/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; Buộc Bà T bồi thường cho vợ chồng Thuận, bà Tr giá trị 20 cây cà phê là 3.540.000đ; Còn chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản và án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

- **Về nội dung:**

[01] Về quan hệ tranh chấp: Con đường có diện tích 180m² thuộc phần diện tích đất hờ giữa 02 tờ bản đồ số 18 và 41 rộng 02m, dài 90m nối liền con đường dân sinh từ công rào lưới B40 chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ đến giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ 18 của Bà T như trích đo địa chính thửa đất tháng 5/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng có nguồn gốc do vợ chồng ông H, bà B khai phá từ năm 1995. Năm 1996, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng một phần diện tích đất khai phá khoảng 4.000m² thuộc thửa số 10 tờ bản đồ 18 cho Bà T và chừa con đường này cho Bà T đi từ đường dân sinh qua phần đất của còn lại vợ chồng ông H, bà B chưa chuyển nhượng đến giáp phần đất bán cho bà Tiến. Tháng 12/2007, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng phần diện tích đất 11.118m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 18 cho vợ chồng ông Th, bà Tr và để phần diện tích đất sinh lầy khoảng 2000m² cho vợ chồng ông Th, bà Tr sử dụng với điều kiện phải để con đường Bà T đang đi làm lối đi chung cho hộ Bà T và hộ ông Th, bà Tr inh. Do vợ chồng ông Th, bà Tr cho rằng con đường này thuộc phần diện tích đất 11.118m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 18 nên đã dỡ bỏ hàng chèn, trồng cà phê và rào công rào lưới B40 không cho Bà T đi lại nên các bên phát sinh tranh chấp. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định đây là “Tranh chấp quyền về lối đi chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[02] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào kết quả xác minh, lời trình bày của nguyên đơn và vợ chồng ông H, bà B thì toàn bộ diện tích đất 3.794m² thuộc thửa số 10, diện tích 11.118m² thuộc thửa số 13 tờ bản đồ 18 và khoảng 2.000m² đất sinh lầy thuộc phần đất hờ của 02 tờ bản đồ 18 và 41 có nguồn gốc do vợ chồng ông H, bà B khai phá từ năm 1995. Năm 1996, vợ chồng ông H, bà B chuyển nhượng cho Bà T diện tích đất 3.794m² thuộc thửa đất số 10 và chừa con đường đi rộng 02m, dài khoảng 90m bắt đất từ giáp ranh đường dân sinh sát mép nương nước nhỏ chạy dài đến đầu thửa đất số 10 của bà Tiến. Năm 1998, vợ chồng ông H, bà B được UBND huyện Bảo Lâm cấp GCNQSD đất đôi với diện tích 11.118m²; năm 2007, vợ chồng ông H, bà B tiếp tục chuyển nhượng cho vợ chồng ông Th, bà Tr phần diện tích 11.118m²; đồng thời để cho vợ chồng ông Th, bà Tr sử dụng thêm phần đất sinh lầy khoảng 2.000m² với điều kiện vợ chồng ông Th, bà Tr phải chừa lại con đường đi nói trên cho bà Tiến. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2019 ông Th cũng khẳng định vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông H, bà B toàn bộ diện tích đất 11.118m² đã được cấp GCNQSD đất tại thửa 13 tờ bản đồ N03-04 nay là thửa 13 tờ bản đồ số 18 và cho rằng trong phần diện tích đất này có cả con đường đi mà vợ chồng ông H, bà B chừa lại cho bà Tiến. Tuy nhiên, tại giấy sang nhượng rẫy cà phê tháng 12/2007 lại thể hiện vợ chồng ông H, bà B chỉ chuyển nhượng phần diện tích đất đã được cấp GCNQSD đất 11.118m², không chuyển nhượng phần diện tích con đường đã chừa cho bà Tiến. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của vợ chồng ông H, bà B và lời trình bày của nguyên đơn.

Mặt khác, căn cứ vào kết quả đo vẽ tháng 5/2018, thể hiện con đường tranh chấp rộng 02m có diện tích 180m² thuộc phần diện tích đất hờ của 2 tờ bản đồ số 18 và 41 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng chưa được đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ai. Do đó, việc vợ chồng ông Th, bà Tr cho rằng con đường thuộc phần diện tích 11.118m² mà vợ chồng ông Th, bà Tr đã nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông H, bà B là không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên cho thấy con đường tranh chấp rộng 02m có diện tích 180m² thuộc phần diện tích đất hờ của 2 tờ bản đồ số 18 và 41 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng chưa được đo đạc, cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ai có nguồn gốc là do vợ chồng ông H, bà B tạo lập và chừa làm lối đi cho Bà T từ năm 1996. Năm 2007, khi bán phần diện tích đất còn lại cho vợ chồng ông Th, bà Tr thì vợ chồng ông H, bà B tiếp tục để con đường này làm lối đi chung cho vợ chồng ông Th, bà Tr và bà Tiến. Theo lời khai các bên thì trước đây con đường này trước có 01 hàng cây chè nhưng năm 2008, vợ chồng ông Th, bà Tr tự ý nhổ bỏ hàng chè và trồng cây cà phê trên lối đi, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì trên lối đi rộng 02m này có 20 cây cà phê. Do đây là con đường của vợ chồng ông H, bà B chừa làm lối đi chung cho Bà T và vợ chồng ông Th, bà Tr nên căn cứ vào Điều 245, 254 Bộ luật dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tiến, buộc vợ chồng ông Th, bà Tr dỡ bỏ cổng rào B40, chặt bỏ 20 cây cà phê và trả lại lối đi chung.

[03] Về chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ

luật tố tụng dân sự buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền đã chi phí là 5.785.000đ (Năm triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

[04] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Do yêu cầu của Bà T được chấp nhận, nghĩa vụ dỡ bỏ công rào lưới B40 và việc cấm bị đơn ngăn cản lối đi thuộc nghĩa vụ thi hành trong bản án ở giai đoạn thi hành án nên không cần thiết tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 112 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

[05] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí là 1.053.000đ (21.060.000đ x 5%= 1.053.000đ); hoàn trả cho Bà T tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Điều 147, 157, 158, 165, 166, khoản 3 Điều 228; 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 245 và Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trần Thị T về việc “*Tranh chấp quyền về lối đi chung*” đối với bị đơn vợ chồng Ông Trần Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Tr.

Buộc vợ chồng Ông Trần Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Tr tháo dỡ công rào lưới B40, chặt bỏ 20 cây cà phê robusta trên lối đi chung; trả lại lối đi chung diện tích 180m², chiều rộng 02m, chiều dài 90m thuộc phần diện tích đất hờ của 02 tờ bản đồ 18 và 41 xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nối liền con đường dân sinh từ công rào lưới B40 chạy dọc theo bờ mương nước nhỏ đến giáp thửa đất số 10, tờ bản đồ 18 của Bà T như trích đo địa chính thửa đất tháng 5/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Kèm theo trích đo địa chính thửa đất tháng 5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm).

2. Về chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản: Buộc vợ chồng Ông Trần Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Tr hoàn trả cho Bà Trần Thị T 5.785.000đ (Năm triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015”.

3. Về áp dụng, thay đổi, hủy bỏ Biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Căn cứ khoản 2 Điều 112 Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời tại quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đối với vợ chồng Ông Trần Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Tr.

4. Về án phí:

- Buộc vợ chồng Ông Trần Đình Th, bà Nguyễn Thị Kim Tr phải nộp 1.053.000đ (Một triệu không trăm ba mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Bà Trần Thị T 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0004985 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/8/2019); bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn L

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ-PHIÊN TÒA